

Số: 132/BC-KPTNT

Hậu Giang, ngày 28 tháng 11 năm 2024

BÁO CÁO TÌNH HÌNH VIỆC LÀM CỦA SINH VIÊN TRONG 01 NĂM SAU TỐT NGHIỆP

I. HOẠT ĐỘNG KHẢO SÁT:

- Thời gian bắt đầu: 15/02/2024 (ở cấp Trường) và từ ngày 20/5/2024 (ở cấp Khoa, những sinh viên tốt nghiệp (SVTN) chưa tham gia trả lời khảo sát ở cấp Trường)
- Thời gian kết thúc: 04/10/2024
- Tóm tắt quá trình thực hiện tại Khoa Phát triển Nông thôn (PTNT):
 - + P. Trưởng Khoa, phụ trách đào tạo: Phân công các Cố vấn học tập (CVHT) thực hiện khảo sát SVTN: 30/7/2024
 - + Cố vấn học tập: Thu thập thông tin SVTN: liên hệ trực tiếp, điện thoại, e-mail, ZALO, mạng xã hội...
 - + Kết quả khảo sát SVTN được nhập liệu trực tiếp vào hệ thống dữ liệu khảo sát trực tuyến của Trường do CVHT thực hiện (ngày cuối là 15/10/2024).
 - + Trên cơ sở thông tin việc làm trích xuất từ hệ thống khảo sát trực tuyến của Trường vào ngày 05/11/2024, P. Trưởng Khoa tiến hành phân tích, nhận xét, đưa ra các kiến nghị và lập dự thảo báo cáo; và lấy ý kiến từ các CVHT, lãnh đạo Bộ môn và lãnh đạo Khoa theo đường thư điện tử để hoàn thiện báo cáo.
 - + Báo cáo tình hình việc làm được gửi đến TT QLCL, lưu tại Văn phòng Khoa và công khai trên trang thông tin điện tử của Khoa, đáp ứng các quy định hiện hành.
- Phân công việc thực hiện tại Khoa PTNT như trong bảng sau:

TT	Họ và tên	Công việc phụ trách	Số SVTN được khảo sát/Số SVTN được phân công
1	Lê Thanh Sơn	Chỉ đạo chung	
2	Cao Quốc Nam	- Phân công cán bộ khảo sát, tổng hợp thông tin và viết báo cáo - Viết báo cáo tình hình việc làm của sinh viên trong một năm sau tốt nghiệp	
3	Đỗ Văn Hoàng	Thu thập thông tin từ SVTN, nhập dữ liệu lên hệ thống (các lớp HG1963A, HG1963A2,)	30/39
4	Sử Kim Anh	Thu thập thông tin từ SVTN, nhập dữ liệu lên hệ thống (HG18V7A2, HG1823A1, HG15V7A2, HG14V7A2, HG19V7A1)	30/32
5	Nguyễn Hoàng Anh	Thu thập thông tin từ SVTN, nhập dữ liệu lên hệ thống (HG18T7A1, HG1662A1, HG1562A1, HG19T7A1, HG17T2A1)	19/35
6	Võ Hồng Dũng	Thu thập thông tin từ SVTN, nhập dữ liệu lên hệ thống (HG19V1A2, HG17W8A1, HG17V1A2, HG15W8A1)	28/28

7	Võ Hồng Tú	Thu thập thông tin từ SVTN, nhập dữ liệu lên hệ thống (HG18U7A1, HG19U7A1)	23/23
8	Trần Quốc Nhân	Thu thập thông tin từ SVTN, nhập dữ liệu lên hệ thống (HG1922A1, HG19W8A1)	28/47
9	Lê Thị Phương Mai	Thu thập thông tin từ SVTN, nhập dữ liệu lên hệ thống (HG1513A1, HG1713A1, HG15V2A2, HG2063A2)	4/4
10	Nguyễn Thị Bạch Kim	Thu thập thông tin từ SVTN, nhập dữ liệu lên hệ thống (HG18V1A1)	1/1
11	Nguyễn Thiết	Thu thập thông tin từ SVTN, nhập dữ liệu lên hệ thống (lớp HG18W8A1)	3/3
12	Phạm Văn Trọng Tính	Thu thập thông tin từ SVTN, nhập dữ liệu lên hệ thống (HG18U6A1)	3/3
13	Trần Thanh Dũng	Thu thập thông tin từ SVTN, nhập dữ liệu lên hệ thống (HG1563A2)	0/1
14	Nguyễn Đỗ Như Loan	Thu thập thông tin từ SVTN, nhập dữ liệu lên hệ thống (HG1922A2, HG1822A1)	26/26
15	Nguyễn Thùy Trang	Thu thập thông tin từ SVTN, nhập dữ liệu lên hệ thống (HG1923A1, HG1863A1)	31/31
16	Nguyễn Tí Hon	Thu thập thông tin từ SVTN, nhập dữ liệu lên hệ thống (lớp HG18V7A1, HG17V7A1)	19/20
17	Nguyễn Văn Nay	Thu thập thông tin từ SVTN, nhập dữ liệu lên hệ thống (HG19V1A1, HG1723A1, HG1722A2, HG17U7A1, HG15U7A1)	15/20
Tổng cộng			260/313

II. KẾT QUẢ VÀ PHÂN TÍCH KẾT QUẢ KHẢO SÁT:

1) Thông tin về đào tạo và nhân khẩu học về SVTN của đơn vị

TT	Mã ngành	Tên ngành đào tạo	Số SVTN		Số SV phản hồi	
			Tổng số	Nữ	Tổng số	Nữ
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1	003	Công nghệ thông tin	74	19	72	18
2	028	Ngôn ngữ Anh	94	74	92	73
3	044	Quản trị kinh doanh	76	62	75	62
4	058	Nông học	2	0	2	0
5	076	Nuôi trồng thủy sản	3	0	3	0
6	013	Kỹ thuật công trình xây dựng	5	0	2	0
7	104	Kỹ thuật xây dựng	44	3	30	2
8	090	Khuyến nông	5	2	4	2
9	091	Kinh doanh nông nghiệp	44	30	39	27
10	040	Kinh tế nông nghiệp	53	28	50	27
11	046	Luật	62	35	52	29
12	034	Việt Nam học	55	34	47	31
TỔNG			517	287	468	271

- Tổng số ngành/chuyên ngành đào tạo (theo mã ngành cấp IV) có SV tốt nghiệp năm 2024: 12. Trong đó 03 ngành Kinh doanh nông nghiệp, Khuyến Nông và Nông học (Chuyên ngành Kỹ thuật nông nghiệp) do Khoa PTNT quản lý và đào tạo. Các ngành còn lại do Khoa PTNT quản lý và các Khoa khác trong Trường đào tạo.

- Tổng số SVTN trong năm 2024: 517 sinh viên, trong đó số nữ SVTN là 287 người (chiếm tỷ lệ 55,51%).

- Tổng số SVTN năm 2024 tham gia khảo sát: **468 SV** (chiếm tỷ lệ 90,52%).

2) Thông tin và kết quả về việc làm của SVTN được khảo sát có phản hồi

*** Ngành 1: (Công nghệ thông tin + 7480201)**

- Tổng số SVTN (4): 74 (cũng là tổng số SVTN được khảo sát)

- Tổng số SVTN được khảo sát có phản hồi (6): 72 [chiếm 97,3% so với (4)]

Bảng 1: Kết quả khảo sát tình hình việc làm đối với SVTN trong năm 2022 của ngành Công nghệ thông tin

TT	Mã ngành	Tên ngành đào tạo	Tình hình việc làm					Tỷ lệ SV có việc làm/tổng số SV phản hồi	Tỷ lệ SV có việc làm/tổng số SVTN	Khu vực làm việc				Nơi làm việc (Tỉnh/TP) ^(*)
			Có việc làm			Tiếp tục học	Chưa có việc làm			Nhà nước	Tư nhân	Tự tạo việc làm	Có yếu tố nước ngoài	
			Đúng ngành đào tạo	Liên quan đến ngành đào tạo	Không liên quan đến ngành đào tạo									
(1)	(2)	(3)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)
1	7480201	Công nghệ thông tin	30	25	7	30	25	90,3%	87,8%	12	41	2	8	1, 2, 3

Ghi chú: (13) (14) SV có việc làm = Số SVTN có việc làm + Số SV tiếp tục học.

() Nơi làm việc: 1 = ĐBSCL; 2 = TP HCM; 3 = Hà Nội*

Kết quả khảo sát ở năm 2024 cho thấy tỷ lệ SVTN ngành Công nghệ thông tin (CNTT) theo học tại Khoa PTNT có việc làm đạt ở mức cao (90,3% trên tổng số sinh viên phản hồi). Tuy nhiên, tỷ lệ này thấp hơn so với kết quả khảo sát của Khoa PTNT ở các năm trước (2018-2023), đạt từ 92-100%, ngoại trừ ở năm 2017 là 86,7% (Khoa PTNT, 2018, 2019, 2020, 2021, 2022, 2023).

Phần lớn SVTN có việc làm đúng ngành (30 người, tương đương 48,4%) và có liên quan đến ngành đào tạo (25 người, tương đương 40,3%). SVTN ngành CNTT đa phần công tác trong khu vực tư nhân (41 người, tương đương 65,1%), Nhà nước (12 người, tương đương 19%) và có yếu tố nước ngoài (8 người, tương đương 12,7%). Phạm vi không gian làm việc của SVTN khá rộng tập trung nhiều ở khu vực Đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL, 55 trường hợp), thành phố Hồ Chí Minh (TPHCM, 5 trường hợp) và Hà Nội (2 trường hợp).

Kết quả khảo sát ở các năm 2020-2024 cho thấy có đến 6-11 SVTN ngành này làm việc trong khu vực có yếu tố nước ngoài trong khi đó ở các năm khảo sát 2017, 2018 và 2019, không có SVTN nào làm trong khu vực có yếu tố nước ngoài. Kết quả này cho thấy xu thế là gần đây khu vực có yếu tố nước ngoài bắt đầu thu hút SVTN ngành CNTT. Điều này gợi ý cho Khoa PTNT và Trường ĐHCT cần tiếp tục quan tâm đáp ứng được yêu cầu tuyển dụng của khu vực liên doanh với doanh nghiệp có yếu tố nước ngoài, có tính đến các đặc thù riêng về chuyên môn, và cần bảo đảm chuẩn đầu ra về ngoại ngữ cho SVTN.

Kết quả khảo sát đối với SVTN đã và đang có việc làm cũng cho thấy hầu hết các kiến thức chuyên môn và kỹ năng được đào tạo (chuyên môn, ngoại ngữ, CNTT và kỹ năng mềm) đáp ứng khá tốt yêu cầu công việc (đáp ứng đầy đủ có 9,7 đến 27,9%; và đáp ứng được một phần yêu cầu của công việc có 67,8-83,9% SVTN

tham gia phản hồi đánh giá) (Bảng 2). Tuy nhiên, có khoảng 6,8 và 6,5% SVTN tham gia phản hồi cho rằng kỹ năng mềm và ngoại ngữ không đáp ứng được yêu cầu công việc. Điều này gợi ý cho Khoa PTNT và Trường ĐHCT cần tiếp tục nâng chuẩn đầu ra về kỹ năng mềm và ngoại ngữ cho SVTN ngành này

Bảng 2: Kiến thức, kỹ năng được đào tạo và mức độ đáp ứng yêu cầu công việc của SVTN ở năm 2022 từ ngành Công nghệ thông tin

Kiến thức và kỹ năng được đào tạo	Mức độ đáp ứng yêu cầu công việc (%)		
	Đáp ứng được đầy đủ yêu cầu công việc	Đáp ứng được một phần yêu cầu công việc	Không đáp ứng được yêu cầu công việc
(i) kiến thức chuyên môn	12,9	82,3	4,8
(ii) kỹ năng chuyên môn	18,0	77,0	4,9
(iii) kỹ năng ngoại ngữ	9,7	83,9	6,5
(iv) kỹ năng CNTT	27,9	68,9	3,3
(v) kỹ năng mềm	25,4	67,8	6,8

Kết quả khảo sát đối với SVTN đã / đang có việc làm còn cho thấy có khoảng 87,1% SVTN có việc làm trong 06 tháng đầu sau khi tốt nghiệp. Trong đó có khoảng 35,5% SVTN có việc làm trước khi tốt nghiệp (Bảng 3). Thu nhập bình quân từ lương của SVTN đa phần ở mức thấp, dưới 8 triệu đồng/tháng (60%; Bảng 4).

Bảng 3: Thời điểm có việc làm của SVTN ở năm 2023 từ ngành Công nghệ thông tin

Thời điểm có việc làm của SVTN	Tỷ lệ % tương ứng
Trước khi tốt nghiệp	35.5
Trong 03 tháng đầu sau khi tốt nghiệp	43.5
Trong 06 tháng đầu sau khi tốt nghiệp	8.1
Sau 06 tháng đầu sau khi tốt nghiệp	12.9

Bảng 4: Thu nhập bình quân từ lương của SVTN ở năm 2023 từ ngành Công nghệ thông tin

Thu nhập bình quân từ lương của SVTN	Tỷ lệ % tương ứng
Dưới 08 triệu đồng/tháng	60,0
Từ 08 triệu đồng tới 20 triệu đồng/tháng	36,4
Trên 20 triệu đồng/tháng	3,6

*** Ngành 2: (Ngôn ngữ Anh + 7220201)**

- Tổng số SVTN (4): 94 (cũng là tổng số SVTN được khảo sát)
- Tổng số SVTN được khảo sát có phản hồi (6): 92 [chiếm 97,9 % so với (4)]

Kết quả khảo sát ở năm 2024 cho thấy tỷ lệ SVTN ngành Ngôn ngữ Anh có việc làm đạt ở mức rất cao (96,7% trên tổng số sinh viên phản hồi). Tỷ lệ này cao hơn so với kết quả khảo sát ở các năm trước: 2021 (86,96%), 2020 (86,36%), 2018 (94,9%), 2017 (95,89%) và 2016 (91,5%) nhưng thấp hơn so với kết quả khảo sát ở năm 2019 (97%), năm 2023 (97,2%) và 2022 (100%) (Khoa PTNT, 2017, 2018, 2019, 2020, 2021, 2022, 2023).

Có ít SVTN tham gia phản hồi có công việc đang làm không liên quan đến ngành đào tạo (9 người, tương đương 11,3%). Tỷ lệ này là 42,2% ở năm khảo sát 2023

(Khoa PTNT, 2023). Số SVTN tham gia phản hồi có việc làm đúng là 34 người (chiếm 42,5%) và có liên quan đến ngành đào tạo là 37 người (chiếm 46,3%). SVTN ngành Ngôn ngữ Anh công tác chủ yếu ở khu vực tư nhân (62 người, tương đương 80,5%) và có yếu tố nước ngoài (7 người, tương đương 9,1%). Phạm vi không gian làm việc của SVTN tập trung nhiều ở khu vực ĐBSCL (68 trường hợp), một số ít ở TPHCM (10 trường hợp), Đồng Nai (1 trường hợp) và ở Hà Nội (1 trường hợp).

Bảng 5: Kết quả khảo sát tình hình việc làm đối với SVTN trong năm 2023 của ngành Ngôn ngữ Anh

TT	Mã ngành	Tên ngành đào tạo	Tình hình việc làm					Tỷ lệ SV có việc làm/tổng số SV phản hồi	Tỷ lệ SV có việc làm/tổng số SVTN	Khu vực làm việc				Nơi làm việc (Tỉnh/TP) ^(*)
			Có việc làm			Tiếp tục học	Chưa có việc làm			Nhà nước	Tư nhân	Tự tạo việc làm	Có yếu tố nước ngoài	
			Đúng ngành đào tạo	Liên quan đến ngành đào tạo	Không liên quan đến ngành đào tạo									
(1)	(2)	(3)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)
2	7220201	Ngôn ngữ Anh	34	37	9	6	3	96,7%	94,7%	5	62	3	7	1, 2, 3, 4

Ghi chú: (13) (14) SV có việc làm = Số SVTN có việc làm + Số SV tiếp tục học.

(*) Nơi làm việc: 1 = ĐBSCL; 2 = TPHCM; 3 = Đồng Nai; 4 = Hà Nội

Kết quả khảo sát đối với SVTN đã và đang có việc làm cũng cho thấy hầu hết các kiến thức chuyên môn và kỹ năng được đào tạo (chuyên môn, ngoại ngữ, CNTT và kỹ năng mềm) đáp ứng khá khá yêu cầu công việc (đáp ứng đầy đủ có 38,0 đến 58,8%; và đáp ứng được một phần công việc có 41,3-60,8% SVTN tham gia phản hồi đánh giá) (Bảng 6).

Bảng 6: Kiến thức, kỹ năng được đào tạo và mức độ đáp ứng yêu cầu công việc của SVTN ở năm 2023 từ ngành Ngôn ngữ Anh

Kiến thức và kỹ năng được đào tạo	Mức độ đáp ứng yêu cầu công việc (%)		
	Đáp ứng được đầy đủ yêu cầu công việc	Đáp ứng được một phần yêu cầu công việc	Không đáp ứng được yêu cầu công việc
(i) kiến thức chuyên môn	38,0	60,8	1,3
(ii) kỹ năng chuyên môn	41,8	57,0	1,3
(iii) kỹ năng ngoại ngữ	58,8	41,3	0,0
(iv) kỹ năng CNTT	51,3	48,8	0,0
(v) kỹ năng mềm	46,2	52,6	1,3

Kết quả khảo sát đối với SVTN đã / đang có việc làm còn cho thấy có khoảng 94,8% SVTN có việc làm trong 06 tháng đầu sau khi tốt nghiệp. Trong đó có khoảng 51,9% SVTN có việc làm trước khi tốt nghiệp (Bảng 7). Thu nhập bình quân từ lương của SVTN đa phần ở mức thấp, dưới 8 triệu đồng/tháng (72,2%; Bảng 8).

Bảng 7: Thời điểm có việc làm của SVTN ở năm 2023 từ ngành Ngôn ngữ Anh

Thời điểm có việc làm của SVTN	Tỷ lệ % tương ứng
Trước khi tốt nghiệp	51.9
Trong 03 tháng đầu sau khi tốt nghiệp	37.7
Trong 06 tháng đầu sau khi tốt nghiệp	5.2
Sau 06 tháng đầu sau khi tốt nghiệp	5.2

Bảng 8: Thu nhập bình quân từ lương của SVTN ở năm 2023 từ ngành Ngôn ngữ Anh

Thu nhập bình quân từ lương của SVTN	Tỷ lệ % tương ứng
Dưới 08 triệu đồng/tháng	72.2
Từ 08 triệu đồng tới 20 triệu đồng/tháng	27.8
Trên 20 triệu đồng/tháng	0.0

*** Ngành 3: (Quản trị kinh doanh + 7340101)**

- Tổng số SVTN (4): 76 (cũng là tổng số SVTN được khảo sát)
- Tổng số SVTN được khảo sát có phản hồi (6): 75 [chiếm 98,7% so với (4)]

Bảng 9: Kết quả khảo sát tình hình việc làm đối với SVTN trong năm 2023 của ngành Quản trị kinh doanh

TT	Mã ngành	Tên ngành đào tạo	Tình hình việc làm					Tỷ lệ SV có việc làm/tổng số SV phản hồi	Tỷ lệ SV có việc làm/tổng số SVTN	Khu vực làm việc				Nơi làm việc (Tỉnh/TP) ^(*)
			Có việc làm			Tiếp tục học	Chưa có việc làm			Nhà nước	Tư nhân	Tự tạo việc làm	Có yếu tố nước ngoài	
			Đúng ngành đào tạo	Liên quan đến ngành đào tạo	Không liên quan đến ngành đào tạo									
(1)	(2)	(3)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)
3	7340101	Quản trị kinh doanh	9	38	11	4	6	92,0%	90,8%	9	38	3	8	1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8

Ghi chú: (13) (14) SV có việc làm = Số SVTN có việc làm + Số SV tiếp tục học.

(*) Nơi làm việc: 1 = ĐBSCL; 2 = TPHCM; 3 = Bình Dương; 4 = Đồng Nai; 5 = Bà Rịa Vũng Tàu; 6 = Nhật Bản; 7 = Hàn Quốc

Kết quả khảo sát ở năm 2024 cho thấy tỷ lệ SVTN ngành Quản trị kinh doanh (QTKD) học tại Khoa PTNT có việc làm đạt ở mức cao (chiếm 92,0% trên tổng số sinh viên phản hồi; Bảng 9). Tuy nhiên tỷ lệ này thấp nhất so với các kết quả khảo sát ở năm trước đây (2017-2023), đạt từ 95-100% (Khoa PTNT, 2017, 2018, 2019, 2020, 2021, 2022, 2023). Phần lớn SVTN có việc làm đúng ngành (9 người, tương ứng 15,5%) và có liên quan đến ngành đào tạo (38 người, tương đương 65,5%). SVTN

ngành QTKD đa phần công tác ở khu vực tư nhân (38 người, tương đương 65,5%). Phạm vi không gian làm việc của SVTN rất khá rộng tập trung nhiều ở khu vực ĐBSCL (49 trường hợp), TPHCM (3 trường hợp), tỉnh Bình Dương (4 trường hợp), Đồng Nai (1 trường hợp), Bà Rịa Vũng Tàu (1 trường hợp), Nhật Bản (1 trường hợp) và Hàn Quốc (1 trường hợp),

Kết quả khảo sát đối với SVTN đã và đang có việc làm cũng cho thấy hầu hết các kiến thức chuyên môn và kỹ năng được đào tạo (chuyên môn, ngoại ngữ, CNTT và kỹ năng mềm) đáp ứng khá tốt yêu cầu công việc (đáp ứng đầy đủ có từ 5,0 đến 46,4%; và đáp ứng được một phần yêu cầu công việc có 50,0-86,4% SVTN tham gia phản hồi đánh giá) (Bảng 10). Tuy nhiên, có khoảng 6,8-13,3% SVTN tham gia phản hồi cho rằng kiến thức chuyên môn, kỹ năng chuyên môn và ngoại ngữ không đáp ứng được yêu cầu công việc. Điều này gợi ý cho Khoa PTNT và Trường ĐHCCT cần tiếp tục đổi mới phương pháp giảng dạy, nâng chuẩn đầu ra về kiến thức chuyên môn, kỹ năng chuyên môn và ngoại ngữ cho SVTN ngành QTKD và chú ý nhiều hơn đến ngoại ngữ chuyên ngành để đáp ứng tốt hơn, đầy đủ hơn yêu cầu công việc.

Bảng 10: Kiến thức, kỹ năng được đào tạo và mức độ đáp ứng yêu cầu công việc của SVTN ở năm 2023 từ ngành Quản trị kinh doanh

Kiến thức và kỹ năng được đào tạo	Mức độ đáp ứng yêu cầu công việc (%)		
	Đáp ứng được đầy đủ yêu cầu công việc	Đáp ứng được một phần yêu cầu công việc	Không đáp ứng được yêu cầu công việc
(i) kiến thức chuyên môn	6,8	86,4	6,8
(ii) kỹ năng chuyên môn	8,9	80,4	10,7
(iii) kỹ năng ngoại ngữ	5,0	81,7	13,3
(iv) kỹ năng CNTT	46,4	50,0	3,6
(v) kỹ năng mềm	25,4	69,5	5,1

Kết quả khảo sát đối với SVTN đã/đang có việc làm còn cho thấy có khoảng 93,3% SVTN có việc làm trong 06 tháng đầu sau khi tốt nghiệp. Trong đó có khoảng 30% SVTN có việc làm trước khi tốt nghiệp (Bảng 11). Thu nhập bình quân từ lương của SVTN nằm nhiều ở 2 mức: dưới 8 triệu đồng/tháng (chiếm 52,5%) và từ 8-20 triệu đồng/tháng (47,5%; Bảng 12).

Bảng 11: Thời điểm có việc làm của SVTN ở năm 2023 từ ngành Quản trị kinh doanh

Thời điểm có việc làm của SVTN	Tỷ lệ % tương ứng
Trước khi tốt nghiệp	30,0
Trong 03 tháng đầu sau khi tốt nghiệp	45,0
Trong 06 tháng đầu sau khi tốt nghiệp	18,3
Sau 06 tháng đầu sau khi tốt nghiệp	6,7

Bảng 12: Thu nhập bình quân từ lương của SVTN ở năm 2023 từ ngành Quản trị kinh doanh

Thu nhập bình quân từ lương của SVTN	Tỷ lệ % tương ứng
--------------------------------------	-------------------

Dưới 08 triệu đồng/tháng	52,5
Từ 08 triệu đồng tới 20 triệu đồng/tháng	47,5
Trên 20 triệu đồng/tháng	0,0

*** Ngành 4: (Nông học + 7620109)**

- Tổng số SVTN (4): 2 (cũng là tổng số SVTN được khảo sát)
- Tổng số SVTN được khảo sát có phản hồi (6): 2 [chiếm 100% so với (4)]

Bảng 13: Kết quả khảo sát tình hình việc làm đối với SVTN trong năm 2023 của ngành Nông học

TT	Mã ngành	Tên ngành đào tạo	Tình hình việc làm					Tỷ lệ SV có việc làm / tổng số SV phản hồi	Tỷ lệ SV có việc làm/ tổng số SVTN	Khu vực làm việc				Nơi làm việc (Tỉnh/TP) ^(*)
			Có việc làm			Tiếp tục học	Chưa có việc làm			Nhà nước	Tư nhân	Tự tạo việc làm	Có yếu tố nước ngoài	
			Đúng ngành đào tạo	Liên quan đến ngành đào tạo	Không liên quan đến ngành đào tạo									
(1)	(2)	(3)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)
4	7620109	Nông học	1	0	1	0	0	100%	100%	0	2	0	0	1, 2

Ghi chú: (13) (14) SV có việc làm = Số SVTN có việc làm + Số SV tiếp tục học.

(*) Nơi làm việc: 1 = ĐBSCL; 2 = TPHCM

Kết quả khảo sát ở năm 2024 cho thấy tỷ lệ SVTN ngành Nông học (Chuyên ngành Kỹ thuật nông nghiệp) tại Khoa PTNT có việc làm đạt ở mức khá rất cao (100% trên tổng số sinh viên phản hồi là 2 SVTN; Bảng 13). Trong đó có 1 SVTN công tác đúng ngành và 1 SVTN công có liên quan đến ngành đào tạo. SVTN ngành Nông học công tác trong khu vực tư nhân (2 người, 100%). Phạm vi không gian làm việc của SVTN là ở khu vực ĐBSCL và ở TPHCM.

Kết quả khảo sát đối với 02 SVTN có việc làm này cho thấy các kiến thức chuyên môn và kỹ năng chuyên môn chỉ đáp ứng được một phần công việc (100%). Các kỹ năng ngoại ngữ, CNTT và kỹ năng mềm đáp ứng khá tốt yêu cầu công việc (đáp ứng đầy đủ là 50%; và đáp ứng được một phần yêu cầu công việc là 50%; Bảng 14). Điều này gợi ý cho Khoa PTNT cần tiếp tục nâng chuẩn đầu ra về kiến thức và kỹ năng chuyên môn cho SV ngành Nông học nếu muốn mở lại ngành này ở Khoa PTNT.

Bảng 14: Kiến thức, kỹ năng được đào tạo và mức độ đáp ứng yêu cầu công việc của SVTN ở năm 2023 từ ngành Nông học

Kiến thức và kỹ năng được đào tạo	Mức độ đáp ứng yêu cầu công việc (%)		
	Đáp ứng được đầy đủ yêu cầu công việc	Đáp ứng được một phần yêu cầu công việc	Không đáp ứng được yêu cầu công việc
(i) kiến thức chuyên môn	0,0	100,0	0,0
(ii) kỹ năng chuyên môn	0,0	100,0	0,0
(iii) kỹ năng ngoại ngữ	50,0	50,0	0,0
(iv) kỹ năng CNTT	50,0	50,0	0,0
(v) kỹ năng mềm	50,0	50,0	0,0

Kết quả khảo sát đối với SVTN ngành Nông học có việc làm còn cho thấy có 100% SV có việc làm trước khi tốt nghiệp (Bảng 15). Thu nhập bình quân từ lương của SVTN ở mức khá, 8-20 triệu đồng/tháng (100%; Bảng 16).

Bảng 15: Thời điểm có việc làm của SVTN ở năm 2023 từ ngành ngành Nông học

Thời điểm có việc làm của SVTN	Tỷ lệ % tương ứng
Trước khi tốt nghiệp	100,0
Trong 03 tháng đầu sau khi tốt nghiệp	0,0
Trong 06 tháng đầu sau khi tốt nghiệp	0,0
Sau 06 tháng đầu sau khi tốt nghiệp	0,0

Bảng 16: Thu nhập bình quân từ lương của SVTN ở năm 2023 từ ngành ngành Nông học

Thu nhập bình quân từ lương của SVTN	Tỷ lệ % tương ứng
Dưới 08 triệu đồng/tháng	0,0
Từ 08 triệu đồng tới 20 triệu đồng/tháng	100,0
Trên 20 triệu đồng/tháng	0,0

*** Ngành 5: (Nuôi trồng thủy sản + 7620301)**

- Tổng số SVTN (4): 3 (cũng là tổng số SVTN được khảo sát)
- Tổng số SVTN được khảo sát có phản hồi (6): 3 [chiếm 100% so với (4)]

Kết quả khảo sát ở năm 2024 cho thấy tỷ lệ SVTN ngành Nuôi trồng thủy sản đào tạo ở Khoa PTNT có việc làm ở mức cao tuyệt đối (100% trên tổng số sinh viên phản hồi; Bảng 17). Tỷ lệ này tương đương so với kết quả khảo sát ở các năm 2021, 2022 và 2023 (100%) nhưng cao hơn kết quả khảo sát ở năm 2019 và 2020 (95%) (Khoa PTNT, 2019, 2020, 2021, 2022, 2023).

Bảng 17: Kết quả khảo sát tình hình việc làm đối với SVTN trong năm 2023 của ngành Nuôi trồng thủy sản

TT	Mã ngành	Tên ngành đào tạo	Tình hình việc làm					Tỷ lệ SV có việc làm/tổng số SV phản hồi	Tỷ lệ SV có việc làm/tổng số SVTN	Khu vực làm việc				Nơi làm việc (Tỉnh/TP) ^(*)
			Có việc làm			Tiếp tục học	Chưa có việc làm			Nhà nước	Tư nhân	Tự tạo việc làm	Có yếu tố nước ngoài	
			Đúng ngành đào tạo	Liên quan đến ngành đào tạo	Không liên quan đến ngành đào tạo									
(1)	(2)	(3)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)
5	7620301	Nuôi trồng thủy sản	3	0	0	0	0	100%	100%	0	2	1	0	1, 2

Ghi chú: (13) (14) SV có việc làm = Số SVTN có việc làm + Số SV tiếp tục học.

(*) Nơi làm việc: 1 = ĐBSCL; 2 = TPHCM.

Có đến 100% SVTN có việc làm đúng ngành đào. SVTN ngành Nuôi trồng thủy sản đa phần công tác trong khu vực tư nhân (2 trường hợp, tương đương 66,7%)

và tự tạo việc làm (1 trường hợp, tương đương 33,3%. Phạm vi không gian làm việc của SVTN là ở khu vực ĐBSCL (2 trường hợp) và TPHCM (01 trường hợp).

Kết quả khảo sát đối với SVTN đã có việc làm cũng cho thấy hầu hết các kiến thức chuyên môn và kỹ năng được đào tạo (chuyên môn, ngoại ngữ, CNTT và kỹ năng mềm) đáp ứng khá tốt yêu cầu công việc (đáp ứng đầy đủ có 33,3%; và đáp ứng được một phần công việc có 33,3 đến 66,7% SVTN tham gia phản hồi đánh giá) (Bảng 18). Tuy nhiên có 33,3% SVTN tham gia phản hồi cho rằng kỹ năng ngoại ngữ không đáp ứng được yêu cầu công việc. Điều này gợi ý cho Khoa PTNT và Trường ĐHCT cần tiếp tục nâng cao chuẩn đầu ra về ngoại ngữ cho SVTN ngành nuôi trồng thủy sản.

Bảng 18: Kiến thức, kỹ năng được đào tạo và mức độ đáp ứng yêu cầu công việc của SVTN ở năm 2023 từ ngành Nuôi trồng thủy sản

Kiến thức và kỹ năng được đào tạo	Mức độ đáp ứng yêu cầu công việc (%)		
	Đáp ứng được đầy đủ yêu cầu công việc	Đáp ứng được một phần yêu cầu công việc	Không đáp ứng được yêu cầu công việc
(i) kiến thức chuyên môn	33,3	66,7	0,0
(ii) kỹ năng chuyên môn	33,3	66,7	0,0
(iii) kỹ năng ngoại ngữ	33,3	33,3	33,3
(iv) kỹ năng CNTT	33,3	66,7	0,0
(v) kỹ năng mềm	33,3	66,7	0,0

Kết quả khảo sát đối với SVTN đã có việc làm còn cho thấy có 100% SVTN có việc làm trong 03 tháng đầu sau khi tốt nghiệp. Trong đó có khoảng 66,7% SVTN có việc làm trước khi tốt nghiệp (Bảng 19). Thu nhập bình quân từ lương của SVTN đa phần ở mức khá từ 8-20 triệu đồng/tháng (66,7%; Bảng 20).

Bảng 19: Thời điểm có việc làm của SVTN ở năm 2023 từ ngành Nuôi trồng thủy sản

Thời điểm có việc làm của SVTN	Tỷ lệ % tương ứng
Trước khi tốt nghiệp	66,7
Trong 03 tháng đầu sau khi tốt nghiệp	33,3
Trong 06 tháng đầu sau khi tốt nghiệp	0,0
Sau 06 tháng đầu sau khi tốt nghiệp	0,0

Bảng 20: Thu nhập bình quân từ lương của SVTN ở năm 2023 từ ngành Nuôi trồng thủy sản

Thu nhập bình quân từ lương của SVTN	Tỷ lệ % tương ứng
Dưới 08 triệu đồng/tháng	33,3
Từ 08 triệu đồng tới 20 triệu đồng/tháng	66,7
Trên 20 triệu đồng/tháng	0,0

*** Ngành 6: (Kỹ thuật công trình xây dựng + 52580201)**

- Tổng số SVTN (4): 5 (cũng là tổng số SVTN được khảo sát)
- Tổng số SVTN được khảo sát có phản hồi (6): 2 [chiếm 40% so với (4)]

Kết quả khảo sát ở năm 2024 cho thấy tỷ lệ SVTN ngành Kỹ thuật công trình xây dựng có việc làm ở mức không cao tuyệt đối, 100% (trên tổng số sinh viên phản

hồi; Bảng 21). Tuy nhiên, kết quả khảo sát cho thấy tỷ lệ SVTN được khảo sát có phản hồi/tổng số SVTN rất thấp (40,0%), ở năm khảo sát 2023 là 65%. Tỷ lệ này ít hơn 85% theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, vì vậy đơn vị cần có giải pháp tạo điều kiện cho CVHT làm công việc khảo sát tốt hơn để nâng cao tỷ lệ phản hồi.

Bảng 21: Kết quả khảo sát tình hình việc làm đối với SVTN trong năm 2023 của ngành Kỹ thuật công trình xây dựng

TT	Mã ngành	Tên ngành đào tạo	Tình hình việc làm					Tỷ lệ SV có việc làm/tổng số SV phản hồi	Tỷ lệ SV có việc làm/tổng số SVTN	Khu vực làm việc				Nơi làm việc (Tỉnh/TP) ^(*)
			Có việc làm			Tiếp tục học	Chưa có việc làm			Nhà nước	Tư nhân	Tự tạo việc làm	Có yếu tố nước ngoài	
			Đúng ngành đào tạo	Liên quan đến ngành đào tạo	Không liên quan đến ngành đào tạo									
(1)	(2)	(3)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)
6	7580201	Kỹ thuật công trình xây dựng	1	1	0	0	0	100,0%	40,0%	0	1	1	0	

Ghi chú: (13) (14) SV có việc làm = Số SVTN có việc làm + Số SV tiếp tục học.

(*) Nơi làm việc: 1 = DBSCL; 2 = TPHCM

SVTN có việc làm đúng ngành (1 người, tương đương 50%) và có liên quan đến ngành đào tạo (1 người, tương đương 50%). SVTN công tác trong khu vực tư nhân và tự tạo việc làm. Thông tin về phạm vi không gian làm việc của SVTN không thu thập được trong khảo sát này.

Kết quả khảo sát đối với SVTN đã có việc làm cũng cho thấy các kiến thức chuyên môn và kỹ năng được đào tạo (chuyên môn, ngoại ngữ, CNTT và kỹ năng mềm) đáp ứng khá tốt yêu cầu công việc, đáp ứng đầy đủ có 50,0% và đáp ứng được một phần công việc có 50,0% SVTN tham gia phản hồi đánh giá (Bảng 22).

Bảng 22: Kiến thức, kỹ năng được đào tạo và mức độ đáp ứng yêu cầu công việc của SVTN ở năm 2023 từ ngành Kỹ thuật công trình xây dựng

Kiến thức và kỹ năng được đào tạo	Mức độ đáp ứng yêu cầu công việc (%)		
	Đáp ứng được đầy đủ yêu cầu công việc	Đáp ứng được một phần yêu cầu công việc	Không đáp ứng được yêu cầu công việc
(i) kiến thức chuyên môn	50,0	50,0	0,0
(ii) kỹ năng chuyên môn	50,0	50,0	0,0
(iii) kỹ năng ngoại ngữ	50,0	50,0	0,0
(iv) kỹ năng CNTT	50,0	50,0	0,0
(v) kỹ năng mềm	50,0	50,0	0,0

Kết quả khảo sát đối với SVTN đã có việc làm còn cho thấy có 100% SVTN có việc làm trong 03 tháng đầu sau khi tốt nghiệp (Bảng 23). Thu nhập bình quân từ lương của SVTN ở mức khá (8-20 triệu đồng/tháng) và cao (trên 20 triệu đồng/tháng; Bảng 24).

Bảng 23: Thời điểm có việc làm của SVTN ở năm 2023 từ ngành Kỹ thuật công trình xây dựng

Thời điểm có việc làm của SVTN	Tỷ lệ % tương ứng
Trước khi tốt nghiệp	0,0
Trong 03 tháng đầu sau khi tốt nghiệp	100,0
Trong 06 tháng đầu sau khi tốt nghiệp	0,0
Sau 06 tháng đầu sau khi tốt nghiệp	0,0

Bảng 24: Thu nhập bình quân từ lương của SVTN ở năm 2023 từ ngành Kỹ thuật công trình xây dựng

Thu nhập bình quân từ lương của SVTN	Tỷ lệ % tương ứng
Dưới 08 triệu đồng/tháng	0,0
Từ 08 triệu đồng tới 20 triệu đồng/tháng	50,0
Trên 20 triệu đồng/tháng	50,0

*** Ngành 7: (Kỹ thuật xây dựng + 7580201)**

- Tổng số SVTN (4): 44 (cũng là tổng số SVTN được khảo sát)
- Tổng số SVTN được khảo sát có phản hồi (6): 30 [chiếm 68,2% so với (4)]

Bảng 25: Kết quả khảo sát tình hình việc làm đối với SVTN trong năm 2023 của ngành Kỹ thuật xây dựng

TT	Mã ngành	Tên ngành đào tạo	Tình hình việc làm					Tỷ lệ SV có việc làm/tổng số SV phản hồi	Tỷ lệ SV có việc làm/tổng số SVTN	Khu vực làm việc				Nơi làm việc (Tỉnh/TP) ^(*)
			Có việc làm			Tiếp tục học	Chưa có việc làm			Nhà nước	Tư nhân	Tự tạo việc làm	Có yếu tố nước ngoài	
			Đúng ngành đào tạo	Liên quan đến ngành đào tạo	Không liên quan đến ngành đào tạo									
(1)	(2)	(3)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)
7	7580201	Kỹ thuật xây dựng	17	5	3	2	3	90,0%	61,4%	4	19	2	0	1

Ghi chú: (13) (14) SV có việc làm = Số SVTN có việc làm + Số SV tiếp tục học.

(*) Nơi làm việc: 1 = ĐBSCL

Kết quả khảo sát ở năm 2024 cho thấy tỷ lệ SVTN ngành Kỹ thuật xây dựng có việc làm ở mức cao, 90% (trên tổng số sinh viên phản hồi; Bảng 25). Tỷ lệ này cao hơn so với kết quả khảo sát ở một vài năm trước: 2022 (86,1%), 2020 (86,84%), 2017 (87,8%) nhưng thấp hơn so với các năm 2016 (92,1%), 2021 (94,0%), 2018 (94,7%),

2019 (95%) và 2023 (100%) (Khoa PTNT, 2017, 2018, 2019, 2020, 2021, 2022, 2023).

Phần lớn SVTN có việc làm đúng ngành (17 người, tương đương 68,0%) và có liên quan đến ngành đào tạo (5 người, tương đương 20%). SVTN đa phần công tác trong khu vực và tư nhân (19 người, tương đương 76%) và nhà nước (4 người, tương đương 16%). Phạm vi không gian làm việc của SVTN tập trung nhiều ở khu vực ĐBSCL (14 trường hợp).

Kết quả khảo sát đối với SVTN đã và đang có việc làm cũng cho thấy hầu hết các kiến thức chuyên môn và kỹ năng được đào tạo (chuyên môn, CNTT và kỹ năng mềm) đáp ứng ở mức trung bình đối với yêu cầu công việc (đáp ứng đầy đủ có 4-16%; đáp ứng một phần yêu cầu công việc có 68-84% SVTN tham gia phản hồi đánh giá; Bảng 26). Có 12-16% SVTN tham gia phản hồi đánh giá kiến thức chuyên môn; kỹ năng ngoại ngữ, CNTT và kỹ năng mềm không đáp ứng được một phần yêu cầu công việc. Điều này gợi ý cho Khoa PTNT và Trường ĐHCCT cần tiếp tục nâng cao chuẩn đầu ra kiến thức và kỹ năng cho SVTN ngành này.

Bảng 26: Kiến thức, kỹ năng được đào tạo và mức độ đáp ứng yêu cầu công việc của SVTN ở năm 2023 từ ngành Kỹ thuật xây dựng

Kiến thức và kỹ năng được đào tạo	Mức độ đáp ứng yêu cầu công việc (%)		
	Đáp ứng được đầy đủ yêu cầu công việc	Đáp ứng được một phần yêu cầu công việc	Không đáp ứng được yêu cầu công việc
(i) kiến thức chuyên môn	8,0	80,0	12,0
(ii) kỹ năng chuyên môn	12,0	80,0	8,0
(iii) kỹ năng ngoại ngữ	4,0	84,0	12,0
(iv) kỹ năng CNTT	12,5	75,0	12,5
(v) kỹ năng mềm	16,0	68,0	16,0

Kết quả khảo sát còn cho thấy có 96% SVTN có việc làm trong 06 tháng đầu sau khi tốt nghiệp. Trong đó có khoảng 28% SVTN có việc làm trước khi tốt nghiệp (Bảng 27). Thu nhập bình quân từ lương của SVTN ở mức thấp (dưới 8 triệu đồng/tháng, chiếm 56%) và khá (8-20 triệu đồng/tháng, chiếm 44%) (Bảng 28).

Bảng 27: Thời điểm có việc làm của SVTN ở năm 2023 từ ngành Kỹ thuật xây dựng

Thời điểm có việc làm của SVTN	Tỷ lệ % tương ứng
Trước khi tốt nghiệp	28,0
Trong 03 tháng đầu sau khi tốt nghiệp	64,0
Trong 06 tháng đầu sau khi tốt nghiệp	4,0
Sau 06 tháng đầu sau khi tốt nghiệp	4,0

Bảng 28: Thu nhập bình quân từ lương của SVTN ở năm 2023 từ ngành Kỹ thuật xây dựng

Thu nhập bình quân từ lương của SVTN	Tỷ lệ % tương ứng
Dưới 08 triệu đồng/tháng	56,0
Từ 08 triệu đồng tới 20 triệu đồng/tháng	44,0

Trên 20 triệu đồng/tháng	0,0
--------------------------	-----

*** Ngành 8: (Khuyến nông + 7620102)**

- Tổng số SVTN (4): 5 (cũng là tổng số SVTN được khảo sát)
- Tổng số SVTN được khảo sát có phản hồi (6): 4 [chiếm 80,0% so với (4)]

Kết quả khảo sát ở năm 2024 cho thấy tỷ lệ SVTN ngành Khuyến nông đào tạo tại Khoa PTNT có việc làm ở mức cao tuyệt đối (100% trên tổng số sinh viên phản hồi; Bảng 29). Tỷ lệ có việc làm này tương đương so với kết quả khảo sát ở năm 2019 và 2023 (100%) nhưng cao hơn so với kết quả khảo sát ở các năm 2021 (86,1%), 2020 (89,29%) và 2018 (92,3%) (Khoa PTNT, 2018, 2019, 2021, 2023). Kết quả khảo sát ở năm 2024 cũng cho thấy có 100% SVTN có việc làm nhưng không liên quan đến ngành đào tạo. SVTN ngành Khuyến nông công tác trong khu vực tư nhân (2 trường hợp, tương đương 50%), còn lại là ở khu vực có yếu tố nước ngoài và tự tạo việc làm. Phạm vi không gian làm việc của SVTN là ở khu vực ĐBSCL (2 trường hợp), TP HCM (1 trường hợp) và ở nước ngoài, Nhật Bản (1 trường hợp).

Bảng 29: Kết quả khảo sát tình hình việc làm đối với SVTN trong năm 2023 của ngành Khuyến nông

TT	Mã ngành	Tên ngành đào tạo	Tình hình việc làm					Tỷ lệ SV có việc làm/tổng số SV phản hồi	Tỷ lệ SV có việc làm/tổng số SVTN	Khu vực làm việc				Nơi làm việc (Tin h/TP) ^(*)
			Có việc làm			Tiếp tục học	Chưa có việc làm			Nhà nước	Tư nhân	Tự tạo việc làm	Có yếu tố nước ngoài	
			Đúng ngành đào tạo	Liên quan đến ngành đào tạo	Không liên quan đến ngành đào tạo									
(1)	(2)	(3)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)
3	7620102	Khu vực nông	0	0	4	0	0	100%	80%	0	2	1	1	1, 2, 3

Ghi chú: (13) (14) SV có việc làm = Số SVTN có việc làm + Số SV tiếp tục học.

(*) Nơi làm việc: 1 = ĐBSCL; 2 = TP HCM; 3 = Nhật Bản

Kết quả khảo sát đối với SVTN đã có việc làm cũng cho thấy hầu hết các kiến thức chuyên môn và kỹ năng được đào tạo (chuyên môn, ngoại ngữ, CNTT) chỉ đáp ứng được một phần yêu cầu công việc (1000%; Bảng 30) do các SVTN này là trái ngành. Điều này gợi ý cho Khoa PTNT cần cải tiến chương trình đào tạo ở kiến thức và kỹ năng để nâng cao chuẩn đầu ra và sự hài lòng cho SVTN ngành Khuyến nông khi họ công tác đúng và không liên quan đến ngành học.

Bảng 30: Kiến thức, kỹ năng được đào tạo và mức độ đáp ứng yêu cầu công việc của SVTN ở năm 2023 từ ngành Khuyến nông

Kiến thức và kỹ năng được đào tạo	Mức độ đáp ứng yêu cầu công việc (%)		
	Đáp ứng được đầy đủ yêu cầu công việc	Đáp ứng được một phần yêu cầu công việc	Không đáp ứng được yêu cầu công việc
(i) kiến thức chuyên môn	0,0	100,0	0,0
(ii) kỹ năng chuyên môn	0,0	100,0	0,0
(iii) kỹ năng ngoại ngữ	0,0	100,0	0,0

(iv) kỹ năng CNTT	0,0	100,0	0,0
(v) kỹ năng mềm	50,0	50,0	0,0

Kết quả khảo sát còn cho thấy có 75% SVTN có việc làm trong 03 tháng đầu sau khi tốt nghiệp. Trong đó có khoảng 50% SVTN có việc làm trước khi tốt nghiệp (Bảng 31). Có 50%, 25% và 25% SVTN có thu nhập bình quân từ lương lần lượt ở mức thấp, (dưới 8 triệu đồng/tháng), mức khá và cao (> 20 triệu đồng/tháng; Bảng 32).

Bảng 31: Thời điểm có việc làm của SVTN ở năm 2023 từ ngành Khuyến nông

Thời điểm có việc làm của SVTN	Tỷ lệ % tương ứng
Trước khi tốt nghiệp	50,0
Trong 03 tháng đầu sau khi tốt nghiệp	25,0
Trong 06 tháng đầu sau khi tốt nghiệp	0,0
Sau 06 tháng đầu sau khi tốt nghiệp	25,0

Bảng 32: Thu nhập bình quân từ lương của SVTN ở năm 2023 từ ngành Khuyến nông

Thu nhập bình quân từ lương của SVTN	Tỷ lệ % tương ứng
Dưới 08 triệu đồng/tháng	50,0
Từ 08 triệu đồng tới 20 triệu đồng/tháng	25,0
Trên 20 triệu đồng/tháng	25,0

*** Ngành 9: (Kinh doanh nông nghiệp + 620114)**

- Tổng số SVTN (4): 44 (cũng là tổng số SVTN được khảo sát)
- Tổng số SVTN được khảo sát có phản hồi (6): 39 [chiếm 98,7% so với (4)]

Kết quả khảo sát ở năm 2024 cho thấy tỷ lệ sinh viên có việc làm của ngành Kinh doanh nông nghiệp (KDNN) đạt ở mức rất cao (97,4% trên tổng số sinh viên phản hồi; Bảng 33). Tỷ lệ này cao hơn so với kết quả khảo sát ở năm 2022 (94,4%), 2021 (90,00%) và 2020 (96,97%) nhưng thấp hơn so với ở năm 2023 (100%) (Khoa PTNT, 2020, 2021, 2022, 2023).

Bảng 33: Kết quả khảo sát tình hình việc làm đối với SVTN trong năm 2023 của ngành Kinh doanh nông nghiệp

TT	Mã ngành	Tên ngành đào tạo	Tình hình việc làm					Tỷ lệ SV có việc làm/tổng số SV phản hồi	Tỷ lệ SV có việc làm/tổng số SVTN	Khu vực làm việc				Nơi làm việc (Tin h/TP) ^(*)
			Có việc làm			Tiếp tục học	Chưa có việc làm			Nhà nước	Tư nhân	Tự tạo việc làm	Có yếu tố nước ngoài	
			Đúng ngành đào tạo	Liên quan đến ngành đào tạo	Không liên quan đến ngành đào tạo									
(1)	(2)	(3)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)
3	7620114	Kinh doanh nông nghiệp	7	22	9	0	1	97,4%	86,4%	4	28	4	1	1, 2, 3, 4

Ghi chú: (13) (14) SV có việc làm = Số SVTN có việc làm + Số SV tiếp tục học.

(*) Nơi làm việc: 1 = ĐBSCL; 2 = TPHCM; 3 = Đồng Nai; 4 = Nhật Bản

Chỉ có 18,4% SVTN có việc làm đúng ngành (7 người); 57,9% SVTN có việc làm có liên quan đến ngành đào tạo (22 người); và 23,7% SVTN có việc làm không liên quan đến ngành đào tạo (9 người). Những kết quả này có phần không tốt hơn khi so sánh với kết quả khảo sát ở năm 2023 lần lượt là 25%, 45,8% và 29,2% (KPTNT, 2023). Đa phần SVTN ngành KDNN công tác trong khu vực tư nhân (28 người, tương đương 75,7%). Phạm vi không gian làm việc của SVTN khá rộng, tập trung nhiều nhất ở khu vực ĐBSCL (27 trường hợp), TPHCM (1 trường hợp), Đồng Nai (1 trường hợp), Nhật Bản (1 trường hợp).

Kết quả khảo sát cũng cho thấy hầu hết các kiến thức chuyên môn và kỹ năng được đào tạo (chuyên môn, ngoại ngữ, CNTT và kỹ năng mềm) của SVTN ngành này đáp ứng ở mức trung bình đối với yêu cầu công việc (đáp ứng đầy đủ có 5,0 đến 46,4%; và đáp ứng được một phần công việc có 50,0 đến 86,4% SVTN tham gia phản hồi đánh giá) (Bảng 34). Còn có khoảng 10,7-13,3% SVTN tham gia phản hồi cho rằng kỹ năng chuyên môn và ngoại ngữ không đáp ứng được yêu cầu công việc. Điều này gợi ý cho Khoa PTNT cần tiếp tục nâng chuẩn đầu ra về kỹ năng chuyên môn và ngoại ngữ cho SVTN ngành này.

Bảng 34: Kiến thức, kỹ năng được đào tạo và mức độ đáp ứng yêu cầu công việc của SVTN ở năm 2023 từ ngành Kinh doanh nông nghiệp

Kiến thức và kỹ năng được đào tạo	Mức độ đáp ứng yêu cầu công việc (%)		
	Đáp ứng được đầy đủ yêu cầu công việc	Đáp ứng được một phần yêu cầu công việc	Không đáp ứng được yêu cầu công việc
(i) kiến thức chuyên môn	6,8	86,4	6,8
(ii) kỹ năng chuyên môn	8,9	80,4	10,7
(iii) kỹ năng ngoại ngữ	5,0	81,7	13,3
(iv) kỹ năng CNTT	46,4	50,0	3,6
(v) kỹ năng mềm	25,4	69,5	5,1

Kết quả khảo sát còn cho thấy có 100% SVTN có việc làm trong 06 tháng đầu sau khi tốt nghiệp. Trong đó có khoảng 28,9% SVTN có việc làm trước khi tốt nghiệp (Bảng 35). Có phân nửa SVTN có thu nhập bình quân từ lương ở mức thấp (dưới 8 triệu đồng/tháng) và phân nửa còn lại có thu nhập ở mức khá (8- 20 triệu đồng/tháng; Bảng 36).

Bảng 35: Thời điểm có việc làm của SVTN ở năm 2023 từ ngành Kinh doanh nông nghiệp

Thời điểm có việc làm của SVTN	Tỷ lệ % tương ứng
Trước khi tốt nghiệp	28,9
Trong 03 tháng đầu sau khi tốt nghiệp	42,1
Trong 06 tháng đầu sau khi tốt nghiệp	28,9
Sau 06 tháng đầu sau khi tốt nghiệp	0,0

Bảng 36: Thu nhập bình quân từ lương của SVTN ở năm 2023 từ ngành Kinh doanh nông nghiệp

Thu nhập bình quân từ lương của SVTN	Tỷ lệ % tương ứng
Dưới 08 triệu đồng/tháng	52,5
Từ 08 triệu đồng tới 20 triệu đồng/tháng	47,5
Trên 20 triệu đồng/tháng	0,0

Để tăng tỷ lệ SVTN ngành Kinh doanh nông nghiệp có việc làm đúng và có liên quan đến ngành đào tạo, đơn vị đào tạo cần đẩy mạnh, phối hợp hơn với các bên liên quan trong việc gửi sinh viên đến các đơn vị, đặc biệt các đơn vị tư nhân, công ty có yếu tố nước ngoài thực tập, thực tế, ... trong lĩnh vực kinh doanh nông nghiệp. Trong quá trình gửi sinh viên đến các công ty thực tập cần nêu rõ mục tiêu của thực tập là xây dựng hình ảnh về ngành, Khoa và Trường và giữ mối liên hệ tốt với công ty để tăng cơ hội việc làm khi ra trường. Bên cạnh đó, Khoa cần tổ chức và giới thiệu sinh viên tham gia các buổi hội chợ/tư vấn việc làm để tăng cường quảng bá thông tin về ngành đến các nhà tuyển dụng cũng như tăng thêm cơ hội việc làm về lĩnh vực kinh doanh nông nghiệp cho sinh viên ra trường. Hơn nữa, cần tăng cường kiến thức chuyên môn, kỹ năng chuyên môn, ... trong lĩnh vực khởi nghiệp để giúp người học mạnh dạn tự tạo việc làm khi có cơ hội.

*** Ngành 10: (Kinh tế nông nghiệp + 7620115)**

- Tổng số SVTN (4): 53 (cũng là tổng số SVTN được khảo sát)
- Tổng số SVTN được khảo sát có phản hồi (6): 50 [chiếm 94,3% so với (4)]

Kết quả khảo sát ở năm 2024 cho thấy tỷ lệ sinh viên có việc làm của ngành Kinh tế nông nghiệp (KTNN) do Khoa PTNT quản lý ở mức cao: 92,0% (trên tổng số sinh viên phản hồi; Bảng 37). Tỷ lệ này cao hơn kết quả khảo sát ở năm 2020 (85,96%), 2021 (91,67%) và 2023 (90,7%) nhưng thấp hơn một ít so với kết quả khảo sát ở năm 2022 (91,67%) (Khoa PTNT, 2020, 2021, 2022, 2023).

Bảng 37: Kết quả khảo sát tình hình việc làm đối với SVTN trong năm 2023 của ngành Kinh tế nông nghiệp

TT	Mã ngành	Tên ngành đào tạo	Tình hình việc làm					Tỷ lệ SV có việc làm/tổng số SV phản hồi	Tỷ lệ SV có việc làm/tổng số SVTN	Khu vực làm việc				Nơi làm việc (Tỉnh/TP) ^(*)
			Có việc làm			Tiếp tục học	Chưa có việc làm			Nhà nước	Tư nhân	Tự tạo việc làm	Có yếu tố nước ngoài	
			Đúng ngành đào tạo	Liên quan đến ngành đào tạo	Không liên quan đến ngành đào tạo									
(1)	(2)	(3)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)
6	7620115	Kinh tế nông nghiệp	7	10	26	3	4	92,0%	86,8%	14	25	3	1	1, 2, 3

Ghi chú: (13) (14) SV có việc làm = Số SVTN có việc làm + Số SV tiếp tục học.

(*) Nơi làm việc: 1 = ĐBSCL; 2 = TPHCM; 3 = Nhật Bản

Trong số SVTN có việc làm phản hồi chỉ có 16,3% SVTN (7 người; Bảng 37) có việc làm đúng ngành, 22,3% SVTN (10 người) có việc làm có liên quan đến ngành đào tạo và 60,5% SVTN (26 người) có việc làm không liên quan đến ngành đào tạo. Kết quả khảo sát này tương tự như kết quả khảo sát ở các năm 2021, 2022 và 2023, tỷ lệ SVTN có việc làm không liên quan đến ngành đào tạo là 54,2% và 48,4% và 52,6% tương ứng. Có thể các SVTN mới ra trường một thời gian chưa lâu, còn đang làm các công việc tạm thời chờ việc chính thức như làm thu ngân ở quán cafe... Vì vậy phần đánh giá kỹ năng không liên quan công việc còn nhiều. Do vậy, chương trình đào tạo ngành Kinh tế nông nghiệp cần cập nhật, tăng cường kiến thức và kỹ năng chuyên môn cũng như các đơn vị đào tạo và quản lý cần đẩy mạnh công tác giới thiệu cơ hội việc làm đúng ngành cho các sinh viên để SVTN tăng cơ hội công tác đúng ngành, tận dụng tốt thế mạnh mà SVTN đã được đào tạo.

Đa phần SVTN ngành Kinh tế nông nghiệp công tác trong khu vực tư nhân (25 người, tương đương 58,1%; Bảng 37), kể đến là khu vực Nhà nước (14 người, chiếm 32,6%) còn lại là công tác ở khu vực có yếu tố nước ngoài (1 người) và tự tạo việc làm (3 người). Phạm vi không gian làm việc của SVTN khá rộng, tập trung nhiều nhất ở khu vực ĐBSCL (40 trường hợp), TPHCM (2 trường hợp) và ở nước ngoài, Nhật Bản (1 trường hợp).

Kết quả khảo sát cho thấy hầu hết các kiến thức chuyên môn và kỹ năng được đào tạo (chuyên môn, ngoại ngữ, CNTT và kỹ năng mềm) chỉ đáp ứng được một phần yêu cầu công việc (74,4-83,7%) do đa phần SVTN làm việc trái ngành được đào tạo (Bảng 37). Điều này có thể gợi ý cho Khoa PTNT, Trường Kinh tế và Trường ĐHCT cần tiếp tục nâng chuẩn đầu ra về kiến thức chuyên môn, kỹ năng chuyên môn và ngoại ngữ cho SVTN ngành Kinh tế nông nghiệp theo hướng rộng hơn, phổ quát hơn trong bối cảnh khó tìm được việc làm trong lĩnh vực hẹp như kinh tế nông nghiệp.

Bảng 38: Kiến thức, kỹ năng được đào tạo và mức độ đáp ứng yêu cầu công việc của SVTN ở năm 2023 từ ngành Kinh tế nông nghiệp

Kiến thức và kỹ năng được đào tạo	Mức độ đáp ứng yêu cầu công việc (%)		
	Đáp ứng được đầy đủ yêu cầu công việc	Đáp ứng được một phần yêu cầu công việc	Không đáp ứng được yêu cầu công việc
(i) kiến thức chuyên môn	7,0	83,7	9,3
(ii) kỹ năng chuyên môn	7,0	88,4	4,7
(iii) kỹ năng ngoại ngữ	9,3	74,4	16,3
(iv) kỹ năng CNTT	23,3	74,4	2,3
(v) kỹ năng mềm	20,9	74,4	4,7

Kết quả khảo sát đối với SVTN còn cho thấy có khoảng 76,2% SVTN có việc làm trong 06 tháng đầu sau khi tốt nghiệp. Trong đó có khoảng 21,4% SVTN có việc làm trước khi tốt nghiệp (Bảng 39). Thu nhập bình quân từ lương của SVTN ngành này đa phần ở mức thấp, dưới 8 triệu đồng/tháng (76,7%; Bảng 40).

Bảng 39: Thời điểm có việc làm của SVTN ở năm 2023 từ ngành Kinh tế nông nghiệp

Thời điểm có việc làm của SVTN	Tỷ lệ % tương ứng
Trước khi tốt nghiệp	21,4
Trong 03 tháng đầu sau khi tốt nghiệp	38,1
Trong 06 tháng đầu sau khi tốt nghiệp	16,7
Sau 06 tháng đầu sau khi tốt nghiệp	23,8

Bảng 40: Thu nhập bình quân từ lương của SVTN ở năm 2023 từ ngành Kinh tế nông nghiệp

Thu nhập bình quân từ lương của SVTN	Tỷ lệ % tương ứng
Dưới 08 triệu đồng/tháng	76,7
Từ 08 triệu đồng tới 20 triệu đồng/tháng	23,3
Trên 20 triệu đồng/tháng	0,0

*** Ngành 11: (Luật + 7380101, Chuyên ngành luật Hành chính)**

- Tổng số SVTN (4): 62 (cũng là tổng số SVTN được khảo sát)
- Tổng số SVTN được khảo sát có phản hồi (6): 52 [chiếm 83,9% so với (4)]

Kết quả khảo sát ở năm 2024 cho thấy tỷ lệ sinh viên có việc làm trên tổng số sinh viên phản hồi của ngành Luật (chuyên ngành Luật Hành chính) ở mức rất cao, 96,2% (Bảng 41). Tỷ lệ này tương đương với kết quả khảo sát của Khoa PTNT ở năm 2022 (96,0%), thấp hơn so với kết quả khảo sát ở năm 2020 (97,9%) nhưng cao hơn so với ở các năm 2023 (89,1%), 2021 (89,4%), 2019 (88%) và 2018 là (69%) (Khoa PTNT, 2018, 2019, 2020, 2021, 2022, 2023).

Trong số SVTN có việc làm phản hồi có 41,5% SVTN (17 người) có việc làm đúng ngành, 34,1% SVTN (14 người) có việc làm có liên quan đến ngành đào tạo và 24,4% SVTN (10 người) có việc làm không liên quan đến ngành đào tạo. Tỷ lệ SVTN có việc làm đúng và có liên quan đến ngành đào tạo trong đợt khảo sát này là 75,6% cao hơn so với kết quả khảo sát ở năm 2023 (53,5%).

Bảng 41: Kết quả khảo sát tình hình việc làm đối với SVTN trong năm 2023 của ngành Luật, Chuyên ngành luật Hành chính

TT	Mã ngành	Tên ngành đào tạo	Tình hình việc làm					Tỷ lệ SV có việc làm/tổng số SV phản hồi	Tỷ lệ SV có việc làm/tổng số SVTN	Khu vực làm việc				Nơi làm việc (Tin h/TP) ^(*)
			Có việc làm			Tiếp tục học	Chưa có việc làm			Nhà nước	Tư nhân	Tự tạo việc làm	Có yếu tố nước ngoài	
			Đúng ngành đào tạo	Liên quan đến ngành đào tạo	Không liên quan đến ngành đào tạo									
(1)	(2)	(3)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)
10	7380101	Luật	17	14	10	7	2	96,2%	80,6%	22	19	1	1	1, 2, 3, 4, 5

Ghi chú: (13) (14) SV có việc làm = Số SVTN có việc làm + Số SV tiếp tục học.

(*) Nơi làm việc: 1 = ĐBSCL; 2 = TP HCM; 3 = Bình Dương; 4 = Đồng Nai; 5 = Tây Ninh

Đa phần SVTN ngành Luật, chuyên ngành Luật Hành chính công tác trong khu vực Nhà nước (22 người, chiếm 51,2%), kể đến là khu vực tư nhân (19 người, chiếm 44,2%) và các khu vực còn lại, mỗi nơi 1 người. Phạm vi không gian làm việc của SVTN khá rộng, tập trung nhiều nhất ở khu vực ĐBSCL (38 trường hợp), TPHCM (1 trường hợp), tỉnh Bình Dương (1 trường hợp), Đồng Nai (1 trường hợp) và Tây Ninh (1 trường hợp).

Kết quả khảo sát đối với SVTN đã và đang có việc làm cho thấy hầu hết các kiến thức chuyên môn và kỹ năng được đào tạo (chuyên môn, ngoại ngữ, CNTT và kỹ năng mềm) đáp ứng khá tốt yêu cầu công việc (đáp ứng đầy đủ có 18,6 đến 67,4%; và đáp ứng được một phần công việc có 32,6 đến 74,4% SVTN tham gia phản hồi đánh giá; Bảng 42). Tuy nhiên, còn có khoảng 11,6% SVTN tham gia phản hồi cho rằng kiến thức chuyên môn không đáp ứng được yêu cầu công việc. Điều này gợi ý cho Khoa PTNT, Khoa Luật và Trường ĐHCĐ cần tiếp tục nâng chuẩn đầu ra về kiến thức chuyên môn cho SVTN ngành Luật, chuyên ngành Luật Hành chính.

Bảng 42: Kiến thức, kỹ năng được đào tạo và mức độ đáp ứng yêu cầu công việc của SVTN ở năm 2023 từ ngành Luật, Chuyên ngành Luật Hành chính

Kiến thức và kỹ năng được đào tạo	Mức độ đáp ứng yêu cầu công việc (%)		
	Đáp ứng được đầy đủ yêu cầu công việc	Đáp ứng được một phần yêu cầu công việc	Không đáp ứng được yêu cầu công việc
(i) kiến thức chuyên môn	30,2	58,1	11,6
(ii) kỹ năng chuyên môn	25,6	67,4	7,0
(iii) kỹ năng ngoại ngữ	18,6	74,4	7,0
(iv) kỹ năng CNTT	41,9	48,8	9,3
(v) kỹ năng mềm	67,4	32,6	0,0

Kết quả khảo sát đối với SVTN đã / đang có việc làm còn cho thấy có khoảng 93% SVTN có việc làm trong 06 tháng đầu sau khi tốt nghiệp. Trong đó có khoảng 21% SVTN có việc làm trước khi tốt nghiệp (Bảng 43). Thu nhập bình quân từ lương của SVTN đa phần ở mức thấp, dưới 8 triệu đồng/tháng (83,7%; Bảng 44).

Bảng 43: Thời điểm có việc làm của SVTN ở năm 2023 từ ngành Luật, Chuyên ngành luật Hành chính

Thời điểm có việc làm của SVTN	Tỷ lệ % tương ứng
Trước khi tốt nghiệp	20,9
Trong 03 tháng đầu sau khi tốt nghiệp	48,8
Trong 06 tháng đầu sau khi tốt nghiệp	23,3
Sau 06 tháng đầu sau khi tốt nghiệp	7,0

Bảng 44: Thu nhập bình quân từ lương của SVTN ở năm 2023 từ ngành Luật, Chuyên ngành luật Hành chính

Thu nhập bình quân từ lương của SVTN	Tỷ lệ % tương ứng
Dưới 08 triệu đồng/tháng	83,7
Từ 08 triệu đồng tới 20 triệu đồng/tháng	16,3
Trên 20 triệu đồng/tháng	0,0

*** Ngành 12: (Việt Nam học + 7310630/ Chuyên ngành Hướng dẫn viên du lịch)**

- Tổng số SVTN (4): 55 (cũng là tổng số SVTN được khảo sát)
- Tổng số SVTN được khảo sát có phản hồi (6): 47 [chiếm 85,5% so với (4)]

Kết quả khảo sát ở năm 2024 cho thấy tỷ lệ sinh viên có việc làm của ngành Việt Nam học, Chuyên ngành Hướng dẫn viên du lịch do Khoa PTNT quản lý đạt ở mức thấp (83,0% trên tổng số sinh viên phản hồi; Bảng 45). Tỷ lệ này thấp hơn so với kết quả khảo sát ở 04 gần đây, năm 2023 (100%), 2022 (96,3%), 2021 (98,28%) và 2020 (88,00%). Do vậy các đơn vị đào tạo và cá nhân có liên quan đến ngành này cần tìm hiểu nguyên nhân của tỷ lệ sinh viên có việc làm của ngành này thấp ở năm khảo sát 2024.

Bảng 45: Kết quả khảo sát tình hình việc làm đối với SVTN trong năm 2023 của ngành Việt Nam học, Chuyên ngành Hướng dẫn viên du lịch

TT	Mã ngành	Tên ngành đào tạo	Tình hình việc làm					Tỷ lệ SV có việc làm/tổng số SV phản hồi	Tỷ lệ SV có việc làm/tổng số SVTN	Khu vực làm việc				Nơi làm việc (Tỉnh/TP) ^(*)
			Có việc làm			Tiếp tục học	Chưa có việc làm			Nhà nước	Tư nhân	Tự tạo việc làm	Cố yếu tố nước ngoài	
			Đúng ngành đào tạo	Liên quan đến ngành đào tạo	Không liên quan đến ngành đào tạo									
(1)	(2)	(3)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)
11	7310630	Việt Nam học	11	16	11	1	8	83,0%	70,9%	6	27	1	3	1, 2, 3, 4

Ghi chú: (13) (14) SV có việc làm = Số SVTN có việc làm + Số SV tiếp tục học.

() Nơi làm việc: 1 = ĐBSCL; 2 = TPHCM; 3 = Bình Dương; 4 = Hà Nội*

Trong số SVTN có việc làm phản hồi có 28,9% SVTN (11 người) có việc làm đúng ngành, 42,1% SVTN (16 người) có việc làm có liên quan đến ngành đào tạo và 28,9% SVTN (11 người) có việc làm không liên quan đến ngành đào tạo. Tỷ lệ SVTN có việc làm đúng và có liên quan đến ngành đào tạo trong đợt khảo sát này là 71,1%, cao hơn so với kết quả khảo sát ở 3 năm trước: 2023 (48%), 2022 và 2021 (57%).

SVTN ngành này công tác chủ yếu trong khu vực tư nhân (27 người, chiếm 73,0%), kể đến là khu vực Nhà nước (6 người, chiếm 16,2%) và còn lại là ở các khu vực khác. Phạm vi không gian làm việc của SVTN ngành này khá rộng, đa phần là ở khu vực ĐBSCL (32 trường hợp), TPHCM (2 trường hợp), Bình Dương (1 trường hợp) và Hà Nội (1 trường hợp).

Kết quả khảo sát đối với SVTN đã và đang có việc làm cho thấy hầu hết các kiến thức chuyên môn và kỹ năng được đào tạo (chuyên môn, ngoại ngữ, Công nghệ Thông tin và kỹ năng mềm) đáp ứng khá tốt yêu cầu công việc (đáp ứng đầy đủ có 22,9 đến 47,1%; và đáp ứng được một phần công việc có 50,0 đến 74,3% SVTN tham gia phản hồi đánh giá; Bảng 46). Tuy nhiên, còn có khoảng 11,4% SVTN tham gia phản hồi cho rằng kỹ năng ngoại ngữ không đáp ứng được yêu cầu công việc. Điều này gợi ý cho Khoa PTNT và các đơn vị đào tạo cần tiếp tục nâng chuẩn đầu ra về kỹ năng ngoại ngữ cho sinh viên ngành này.

Kết quả khảo sát đối với SVTN đã / đang có việc làm còn cho thấy có khoảng 97,40% SVTN có việc làm trong 06 tháng đầu sau khi tốt nghiệp. Trong đó có khoảng 31,6% SVTN có việc làm trước khi tốt nghiệp (Bảng 47). Thu nhập bình quân từ lương của SVTN đa phần ở mức khá, 8-20 triệu đồng/tháng (54,1%) và thấp, dưới 8 triệu đồng/tháng (45,9%; Bảng 48).

Bảng 46: Kiến thức, kỹ năng được đào tạo và mức độ đáp ứng yêu cầu công việc của SVTN ở năm 2023 từ ngành Việt Nam học, Chuyên ngành Hướng dẫn viên du lịch

Kiến thức và kỹ năng được đào tạo	Mức độ đáp ứng yêu cầu công việc (%)		
	Đáp ứng được đầy đủ yêu cầu công việc	Đáp ứng được một phần yêu cầu công việc	Không đáp ứng được yêu cầu công việc
(i) kiến thức chuyên môn	24,3	67,6	8,1
(ii) kỹ năng chuyên môn	25,0	69,4	5,6
(iii) kỹ năng ngoại ngữ	22,9	65,7	11,4
(iv) kỹ năng CNTT	22,9	74,3	2,9
(v) kỹ năng mềm	47,1	50,0	2,9

Bảng 47: Thời điểm có việc làm của SVTN ở năm 2023 từ ngành Việt Nam học, Chuyên ngành Hướng dẫn viên du lịch

Thời điểm có việc làm của SVTN	Tỷ lệ % tương ứng
Trước khi tốt nghiệp	31,6
Trong 03 tháng đầu sau khi tốt nghiệp	63,2
Trong 06 tháng đầu sau khi tốt nghiệp	2,6
Sau 06 tháng đầu sau khi tốt nghiệp	2,6

Bảng 48: Thu nhập bình quân từ lương của SVTN ở năm 2023 từ ngành Việt Nam học, Chuyên ngành Hướng dẫn viên du lịch

Thu nhập bình quân từ lương của SVTN	Tỷ lệ % tương ứng
Dưới 08 triệu đồng/tháng	45,9
Từ 08 triệu đồng tới 20 triệu đồng/tháng	54,1
Trên 20 triệu đồng/tháng	0,0

III. KẾT LUẬN VÀ ĐỀ XUẤT

Nhìn chung với phương pháp thu thập thông tin như mô tả ở trên (phần I), ở năm 2024, tổng số SVTN thuộc 12 ngành được quản lý và đào tạo tại Khoa PTNT được khảo sát là 517 và số SVTN phản hồi là 468 (chiếm 90,52% tổng số SVTN được khảo sát). Tỷ lệ SVTN có việc làm trên tổng số SVTN phản hồi là 92,7% (Bảng 53). Tỷ lệ này cao hơn so với kết quả khảo sát ở các năm 2020 (92,5%) và 2018 (88,5%) nhưng thấp hơn so với kết quả khảo sát ở các năm 2019 (95,6%), 2021 (93,5%), 2022 (95,6%) và năm 2023 (95,4%).

Trong tổng cộng 12 ngành được khảo sát ở năm 2024, chỉ có ngành Việt Nam học có tỷ lệ SVTN có việc làm trên tổng số sinh viên phản hồi là dưới 90%. Phần đông SVTN công tác trong các lĩnh vực đúng với ngành đào tạo hay có liên quan đến ngành

đào tạo. Số lượng SVTN làm việc trong khu vực tư nhân là nhiều nhất, kế đến là khu vực Nhà nước, có yếu tố nước ngoài và ít nhất là khu vực tự tạo việc làm. Phạm vi không gian làm việc của SVTN khá rộng, phần lớn là ở khu vực các tỉnh thuộc ĐBSCL, kế đến là TPHCM, một số ít làm việc tỉnh ở miền Đông Nam Bộ và ở nước Nhật Bản và Hàn Quốc. Thu nhập bình quân từ lương của SVTN của phần lớn các ngành nằm ở mức dưới 8 triệu đồng/tháng (59,9%), kế đến ở mức 8-20 triệu đồng/tháng (33,6%) và còn lại là ở mức lớn hơn 20 triệu đồng/tháng (1,46%).

Bảng 53: Kết quả khảo sát tình hình việc làm đối với SVTN trong năm 2023 của Khoa PTNT

Tình hình việc làm					Tỷ lệ SV có việc làm/tổng số SV phân hỏi	Tỷ lệ SV có việc làm/tổng số SVTN	Khu vực làm việc			
Có việc làm			Tiếp tục học (số lượng / %)	Chưa có việc làm (số lượng / %)			Nhà nước (số lượng / %)	Tư nhân (số lượng / %)	Tự tạo việc làm (số lượng / %)	Có yếu tố nước ngoài (số lượng / %)
Đúng ngành đào tạo (số lượng / %)	Liên quan đến ngành đào tạo (số lượng / %)	Không liên quan đến ngành đào tạo (số lượng / %)								
137/33,3%	168/40,9%	91/22,1%	23/4,9%	34/7,3%	92,7%	83,9%	76/18,5%	226/64,7%	22/5,4%	30/7,3%

Công tác hướng nghiệp, giới thiệu việc làm của Nhà Trường, Khoa quản lý, các Khoa đào tạo, các Đoàn hội, của từng giảng viên và cố vấn học tập luôn không ngừng đổi mới và nhờ có vai trò không nhỏ của cựu sinh viên và mạng xã hội nên đã giúp SVTN dễ dàng tìm kiếm việc làm hơn. Tuy nhiên, khi hoàn cảnh kinh tế gia đình của một số SVTN còn khó khăn, SVTN phải tìm việc để mưu sinh, để làm tạm thời. Sau một năm là quá ngắn để SVTN tìm việc đúng với ngành hay chuyên ngành được đào tạo do vậy số lượng sinh viên làm việc trong các lĩnh vực **không liên quan đến ngành đào tạo** ở đợt khảo sát năm 2024 còn khá nhiều, đặc biệt là các ngành Khuyến nông, Kinh doanh nông nghiệp, Kinh tế nông nghiệp, Luật và Việt Nam học. Do vậy các đơn vị trong Trường cần phối hợp để đẩy mạnh hơn nữa công tác giới thiệu cơ hội việc làm đúng ngành cho các sinh viên để SVTN tăng cơ hội công tác đúng ngành, tận dụng tốt thế mạnh mà SVTN đã được đào tạo.

Đề xuất

- Nhà Trường và các đơn vị có liên quan, trong đó có Khoa PTNT cần tiếp tục cập nhật và cải tiến các chương trình đào tạo, tăng cường kiến thức chuyên môn, kỹ năng chuyên môn, ngoại ngữ và kỹ năng mềm để đáp ứng tốt hơn nhu cầu của các đơn vị tuyển dụng lao động, nhất là ở khu vực tư nhân và khu vực có yếu tố nước ngoài. Bên cạnh đó cần khuyến khích sinh viên học các học phần khởi nghiệp và nghiên cứu khởi nghiệp để sau này ra trường tự tạo việc làm khi có điều kiện.

- Cần tiếp tục nghiên cứu mở các khóa học ngoại ngữ ngoại khóa, đa dạng cách học, thời gian học và thực hành (câu lạc bộ Anh văn, seminar bằng tiếng Anh, câu lạc bộ hội nhập, ... để giao lưu với sinh viên, giảng viên và học giả nước ngoài ...) ở Khu Hòa An để sinh viên có điều kiện học tập, thực hành nâng cao kỹ năng ngoại ngữ, đáp ứng được với yêu cầu công việc thời hội nhập và phát triển. Bên cạnh đó, cần nghiên cứu tìm tài trợ, học bổng để đưa sinh viên đi học tập/trao đổi ở nước ngoài, ở nhiều nước có sử dụng tiếng Anh hơn.

- Nhà Trường và các đơn vị cần nghiên cứu tạo điều kiện thuận lợi hơn để khuyến khích sinh viên đang theo học tại Khu Hòa An tham dự các buổi tư vấn việc làm, hội chợ việc làm tổ chức ở Khu 2, Trường Đại học Cần Thơ như tổ chức các chuyến xe đưa đón sinh viên đến nơi tổ chức tư vấn việc làm, hội chợ việc làm, ...

- Cần xây dựng và nuôi dưỡng các hoạt động của hội cựu sinh viên, thông qua đó SV/SVTN dễ dàng tìm kiếm việc làm đúng ngành và Khoa/Trường dễ dàng thông tin và liên lạc với SVTN.

- Cần rà soát, kiểm tra phiếu khảo sát, sao cho SVTN có thể trả lời ở cả 02 trường hợp có việc làm và tiếp tục học vì thực tế trường hợp này đã xảy ra: SVTN vừa có việc làm và vừa đi học (tiếp tục học).

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Khoa Phát triển Nông thôn, 2018. Báo cáo tình hình việc làm của sinh viên sau một năm sau tốt nghiệp (Số: 195/KPTNT).

Khoa Phát triển Nông thôn, 2019. Báo cáo tình hình việc làm của sinh viên trong một năm sau tốt nghiệp (Số: 230/KPTNT).

Khoa Phát triển Nông thôn, 2020. Báo cáo tình hình việc làm của sinh viên trong một năm sau tốt nghiệp (Số: 235/KPTNT).

Khoa Phát triển Nông thôn, 2021. Báo cáo tình hình việc làm của sinh viên trong một năm sau tốt nghiệp (Số: 112/KPTNT).

Khoa Phát triển Nông thôn, 2022. Báo cáo tình hình việc làm của sinh viên trong một năm sau tốt nghiệp (Số: 120/KPTNT).

Khoa Phát triển Nông thôn, 2023. Báo cáo tình hình việc làm của sinh viên trong một năm sau tốt nghiệp (Số: 185/KPTNT).

Nơi nhận:

- TTQLCL;

- Lưu: VT.

**KT. TRƯỞNG KHOA
PHÓ TRƯỞNG KHOA PHỤ TRÁCH**

Lê Thanh Sơn